

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 546/2020/HC-PT

Ngày: 18 - 9 - 2020

V/v Khiếu kiện Quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà  
nước về đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa Hiệp

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 378/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2385/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Phạm Văn L – sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn R1, huyện R2, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phan Hoàng B – sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số 196, Đường R3, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tiến H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Huỳnh Thanh D – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (có mặt);

2. Ông Lê Văn M – Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện R2;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện R2: Ông Nguyễn Minh K, Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (có mặt);

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện R2 là Ông Lý Hoàng T1 (có mặt);

3. Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện R2, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

4. Bà Đào Thị T2 – sinh năm 1966 (có mặt);

5. Ông Phạm Văn T3 – sinh năm 1981 (vắng mặt);

6. Ông Hồng Văn M1 – sinh năm 1971 (có mặt);

7. Bà Hoàng Thị X – sinh năm 1959 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 8, thị trấn R1, huyện R2, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, ông T3, ông M1, bà X là ông Phan Hoàng B (có mặt);

Địa chỉ: số 196, Đường R3, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* ông Phan Hoàng B, là đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - ông L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà T2, ông T3, ông M1, bà X.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

*Người khởi kiện do người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Hoàng B trình bày:*

Ông L có phần đất khoảng 30.845,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khóm 8, thị trấn R1, huyện R2, tỉnh Cà Mau, phần đất này do ông L tự khai phá trước năm 1975, đây là đất rừng thuộc khu vực Lâm Ngư Trường K1 tại ấp K1, xã K2, huyện R2, tỉnh

Cà Mau. Vào ngày 30/11/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 284/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với Lâm ngư trường K1 để thực hiện theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP của Chính phủ (gọi tắt là Quyết định số 284). Đến ngày 24/01/2006, UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Lâm Ngư trường K1 để quy hoạch trung tâm hành chính huyện (gọi tắt là Quyết định số 05). Trong hai lần thu hồi đất có ảnh hưởng đến toàn bộ diện tích đất do ông L đang quản lý nhưng ông L không được triển khai Quyết định thu hồi đất. Đến năm 2011 ông L có chuyển nhượng lại cho bà Hoàng Thị X diện tích phần đất là 5.472m<sup>2</sup> gồm các thửa số 03, 29, 30. Năm 2013 ông L chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T3 diện tích đất 1.002m<sup>2</sup> tại thửa số 06. Việc chuyển nhượng đất các bên chỉ làm giấy tay. Phần diện tích đất còn lại của ông L là 24.351,6m<sup>2</sup> tại thửa số 395, tờ bản đồ số 07, ông L đã được UBND huyện R2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 748119 ngày 25/11/2014. Phần đất bà X nhận chuyển nhượng của ông L, bà X chuyển nhượng cho bà Đào Thị T2 diện tích đất là 1.959,8m<sup>2</sup> và chuyển nhượng cho ông Hồng Văn M1 diện tích 1.308,7m<sup>2</sup>. Phần đất còn lại do bà X tiếp tục quản lý. Phần đất ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014 với diện tích 24.351,6m<sup>2</sup> ông L chuyển nhượng cho ông Trần Văn Phước vào ngày 02/12/2014 diện tích 9.114,1m<sup>2</sup>, chuyển nhượng cho bà Lê Thị Kim Loan diện tích 1.883,8m<sup>2</sup>, ngày 13/01/2015 chuyển nhượng cho ông Trần Văn Phước 3 lần với diện tích lần lượt là 410m<sup>2</sup>, 1.042,5m<sup>2</sup> và 11.174,2m<sup>2</sup>. Diện tích đất còn lại của ông L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 727m<sup>2</sup>. Hiện nay ông L đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 28/7/2016 Hội đồng giải phóng mặt bằng tổ chức họp dân vận động giao đất để xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2 theo Quyết định số 05. Bà X, bà T2, ông T3 và ông M1 là người bị ảnh hưởng của dự án theo Quyết định số 05 nên Hội đồng bồi thường đã tạm tính số tiền bồi thường cho từng người và giao bảng triết tính, trong đó bà X được bồi thường 191.055.000 đồng, ông M1 được bồi thường 91.337.250 đồng, bà T2 được bồi thường 261.200.260 đồng, ông T3 được bồi thường 75.597.500 đồng và mỗi người đều thống nhất với số tiền tạm tính nên đã nhận tạm ứng 50 % số tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Số tiền còn lại các hộ dân sẽ được trả sau khi phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng được phê duyệt.

Tại Quyết định số 44/QĐ ngày 23/01/2017 của UBND huyện R2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy R2 (gọi tắt là Quyết định số 44) thì số tiền ông M1, bà X, ông T3, bà T2 được bồi thường bị giảm xuống so với số tiền được tạm tính bồi thường ban đầu nên bà T2, bà X, ông T3, ông M1 khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 05 và Công văn số 11/HĐBT ngày 14/3/2017, Công văn số

06/HĐBT ngày 14/3/2017, Công văn số 08/HĐBT ngày 14/3/2017 và Công văn số 09/HĐBT ngày 14/3/2017 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện R2 (gọi tắt là Công văn số 11, Công văn số 06, Công văn số 08 và Công văn số 09).

Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã thụ lý giải quyết vụ án của bà T2, bà X, ông M1, ông T3 nhưng sau đó người khởi kiện đã có đơn xin rút lại đơn khởi kiện và được Tòa án chấp nhận và ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với các hộ nêu trên. Ngày 17/01/2017 ông L mới biết được Quyết định số 05 do bà X, ông T3 đem đến yêu cầu ông L trả lời vì sao đất bị thu hồi mà còn đem chuyển nhượng cho bà X và ông T3, do đó ngày 21/6/2018 ông L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 05. Vì nếu ông L không yêu cầu hủy Quyết định số 05 thì ông L phải chịu trách nhiệm đối với bà X và ông T3 về việc phần đất của ông L bị thu hồi theo Quyết định số 05 mà ông L lại đem chuyển nhượng cho bà X và ông T3.

- Người bị kiện là UBND tỉnh Cà Mau do người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau có đơn đề nghị Tòa án không tham gia đối thoại và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau có văn bản yêu cầu ông Huỳnh Thanh D và ông Lê Văn M bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Cà Mau nhưng ông Dũng vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện R2, Chủ tịch UBND huyện R2 và Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện R2 do ông Trần Hoàng Lạc trình bày tại biên bản làm việc ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau như sau:

Do thời điểm xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2 quá gấp rút nên Huyện ủy chỉ đạo khẩn trương làm việc với các hộ dân bị ảnh hưởng từ việc thu hồi đất để bàn giao mặt bằng khởi công xây dựng. Do đó lãnh đạo huyện đã chỉ đạo Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng tiến hành họp dân để công bố chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ. Vào ngày 28/7/2016 Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã họp dân đối với những người có đất bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2, trong đó có bà X, ông T3, bà T2 và ông M1. Hội đồng bồi thường đã tạm tính số tiền các hộ dân được bồi thường, hỗ trợ như các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở các thửa đất bị thu hồi theo Quyết định 284 nên được tất cả các hộ dân đồng ý. Từ đó Hội đồng bồi thường đã giao cho mỗi người một bảng tạm tính và chi mỗi người tạm ứng khoảng 50% số tiền được bồi thường để các hộ dân bàn giao đất, số tiền còn lại đến khi nào phương án bồi thường được phê duyệt sẽ thanh toán tiếp. Phần đất ông L bị thu hồi bởi hai Quyết định là Quyết định thu hồi đất số 05 và Quyết định thu hồi đất số 284. Phần đất thu hồi theo Quyết định số 284

mục đích để giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất bị thu hồi theo Quyết định số 05 là để xây dựng trung tâm hành chính của huyện. Ông L không đồng ý cùng một phần đất của ông mà áp dụng hai chính sách khác nhau nên ông L khiếu nại. UBND huyện đã làm việc với UBND tỉnh nhưng UBND tỉnh đề nghị căn cứ theo quy định hiện hành đối với từng loại đất cụ thể, các thửa đất bị thu hồi thuộc Quyết định số 284 được bồi thường, hỗ trợ như các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thửa đất bị thu hồi thuộc Quyết định số 05 thì không được bồi thường như các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ được hỗ trợ như các hộ nhận giao khoán đất lâm nghiệp của các Ban quản lý rừng phòng hộ. Đối với các hộ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay sau ngày 01/01/2008 thì không được thừa nhận. Phần đất của bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 nhận chuyển nhượng sau ngày 01/01/2008 chỉ làm giấy tay, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được áp dụng theo mức giá hỗ trợ, bồi thường theo Quyết định số 44 là đúng. UBND huyện không thống nhất hỗ trợ thêm khoản tiền nào khác.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị T2, ông Phạm Văn T3, bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Văn Mộng ủy quyền cho ông Phan Hoàng B trình bày:*

Vào năm 2011, bà X, ông T3 nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn Lực phần đất tại khóm 8, thị trấn R1, huyện R2. Phần đất của bà X sau đó chuyển nhượng lại cho ông M1 và bà T2. Việc chuyển nhượng đất các bên chỉ làm giấy tay, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, đất bị thu hồi để xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2, tại biên bản họp dân vào ngày 28/7/2016 các ông, bà được động viên giao đất và cho tạm ứng trước 50% so với số tiền theo bảng triết tính bồi thường, hỗ trợ cho từng hộ bị ảnh hưởng bởi dự án, trong đó bà X được bồi thường 191.055.000 đồng, ông M1 được bồi thường 91.337.250 đồng, bà T2 được bồi thường 261.200.260 đồng, ông T3 được bồi thường 75.597.500 đồng. Sau đó Quyết định số 44 về việc phê duyệt phương án bồi thường được ban hành thì số tiền bồi thường bị giảm nên các hộ bà T2, ông T3, bà X, ông M1 có khởi kiện UBND huyện R2 và Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện R2 yêu cầu hủy Quyết định số 05. Tuy nhiên sau đó 04 hộ rút lại đơn khởi kiện do không đủ điều kiện khởi kiện, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ cả 04 vụ án trên tại các Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2018/QĐST-HC ngày 11/5/2018, Quyết định số 03/2018/QĐST-HC ngày 04/5/2018, Quyết định số 02/2018/QĐST-HC ngày 04/5/2018, Quyết định số 05/2018/QĐST-HC ngày 14/5/2018. Hiện nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 05 nên bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 làm đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 05 và hủy Công

văn số 11, Công văn số 06, Công văn số 08, và Công văn số 09 ngày 14/3/2017 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện R2 để các ông, bà được nhận lại số tiền bồi thường, hỗ trợ theo biên bản họp dân ngày 28/7/2016.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án tuyên bố Quyết định số 05 hết hiệu lực và hủy một phần Quyết định số 05 có liên quan đến việc thu hồi đất của bà X, ông T3, bà T2, ông M1 và tranh luận cho rằng Quyết định số 05 chưa được UBND tỉnh triển khai cho ông L, đồng thời Quyết định số 05 về việc thu hồi đất ban hành năm 2006 nhưng đến năm 2016 mới có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2 là trái với quy định của Luật Đất đai. Mặc dù hiện nay phần đất của ông L đã chuyển nhượng cho nhiều người nhưng trong đó có phần đất của bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 bị ảnh hưởng bởi Quyết định số 05, do đó ông L yêu cầu hủy một phần Quyết định số 05 và tuyên bố Quyết định số 05 hết hiệu lực.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, ông Lê Văn M tranh luận cho rằng:

Quyết định số 05 được ban hành là đúng, Quyết định số 05 ban hành năm 2006 nhưng không triển khai đến ông L là do Quyết định 05 thu hồi đất của Lâm ngư trường K1 mà không trực tiếp thu hồi đất của ông L. Ông L quản lý và sử dụng phần đất thuộc Lâm ngư trường K1 quản lý, ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào thời điểm năm 2006. Do đó ông L cho rằng không được triển khai Quyết định số 05 nên đề nghị hủy Quyết định số 05 là không có cơ sở.

Ông Trần Hoàng Lạc tranh luận cho rằng, việc ông L cho rằng Quyết định thu hồi đất số 05 ban hành năm 2006, trước khi ông L chuyển nhượng cho bà X và ông T3, sau đó bà X chuyển nhượng cho bà T2 và ông M1 nhưng đến năm 2017 mới có Quyết định số 44 phê duyệt phương án hỗ trợ bồi thường là do điều kiện kinh tế của tỉnh khó khăn trong việc xây dựng trung tâm hành chính của huyện theo Quyết định số 05, nên UBND huyện không xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng một lần theo Quyết định thu hồi đất mà khi tiến hành xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị nào trong trung tâm hành chính thì mới xây dựng phương án hỗ trợ, bồi thường cho từng dự án. Từ năm 2006 đến nay đã xây dựng nhiều trụ sở làm việc trong trung tâm hành chính theo Quyết định số 05 nên đã xây dựng nhiều phương án và đã hỗ trợ, bồi thường xong. Đến năm 2016 thì tiến hành xây dựng phương án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2 nên UBND huyện R2 ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải

phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2. Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2 có hai khu đất, khu thứ nhất thuộc phạm vi Quyết định thu hồi đất số 284, khu thứ hai thuộc phạm vi Quyết định thu hồi đất số 05. Trong quá trình triển khai các bước phục vụ cho công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, Hội đồng bồi thường nhận thấy các hộ dân có đất bị ảnh hưởng ở khu đất thứ nhất khi Nhà nước thu hồi thì các hộ này được bồi thường như các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với các hộ thuộc khu đất thứ hai khi Nhà nước thu hồi đất sẽ không được bồi thường như các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ được hỗ trợ như các hộ nhận giao khoán đất lâm nghiệp của các Ban quản lý rừng phòng hộ. Do một công trình xây dựng phạm vi giải phóng mặt bằng liên quan đến hai khu đất nên UBND huyện xin ý kiến của UBND tỉnh áp dụng chính sách bồi thường của hai khu đất bị thu hồi theo Quyết định 284 và Quyết định số 05 giống như chính sách bồi thường về đất đối với các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để có lợi cho người dân. Trong thời gian chờ chủ trương của tỉnh, Ủy ban huyện đã chỉ đạo cho Hội đồng bồi thường tổ chức họp dân và tạm khái toán kinh phí bồi thường cho từng hộ dân theo chính sách bồi thường về đất như các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho các hộ dân tạm ứng một phần kinh phí để các hộ dân giao đất khởi công xây dựng công trình. Phần còn lại sẽ thực hiện khi có Quyết định phê duyệt phương án. Trong số các hộ dân có đất bị ảnh hưởng được hỗ trợ bồi thường có phần đất của bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 cũng thống nhất nhận tạm ứng tiền như các hộ đã trình bày. Ngày 10/01/2017 UBND tỉnh có ý kiến đối với phần đất thu hồi theo Quyết định số 284 thì chính sách hỗ trợ, bồi thường được tính như các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất bị thu hồi theo Quyết định số 05 thì không được bồi thường như các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ hỗ trợ giống như các hộ nhận giao khoán đất lâm nghiệp của các Ban quản lý rừng phòng hộ. Đối với các hộ nhận chuyển nhượng đất bằng giấy tay sau ngày 01/01/2008 thì không được thừa nhận. Do đó phần đất của bà X và ông T3 nhận chuyển nhượng của ông L vào năm 2011, phần đất của ông M1 và bà T2 nhận chuyển nhượng lại của bà X vào năm 2013 đã xác lập cho ông L nhưng về tiền hỗ trợ thì ai nhận chuyển nhượng thửa đất nào thì vẫn được bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 44. Căn cứ theo Quyết định số 44 thì số tiền bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 được hỗ trợ bồi thường ít hơn số tiền các hộ được tạm tính ban đầu. Do đó hiện nay bà X, ông T3, bà T2, ông M1 yêu cầu hủy Quyết định số 05 và hủy các Công văn số 06, 08, 09, 11 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện R2 là không có cơ sở.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 tranh luận cho rằng việc bà X và ông T3 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông L năm 2011, các bên chỉ làm giấy tay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất bà X và ông T3 nhận chuyển nhượng trong khi phần đất này bị thu hồi bởi Quyết định số 05 vào năm 2006 nhưng bà X và ông T3 không biết. Năm 2013 bà X chuyển nhượng một phần đất cho bà T2 và ông M1 cũng làm giấy tay. Vào năm 2016 Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện R2 đã tạm tính số tiền bồi thường và động viên giao đất để xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2 thì bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 thống nhất theo số tiền tạm tính và nhận tạm ứng 50% số tiền bồi thường và đã bàn giao đất để thi công, số tiền còn lại Hội đồng bồi thường hứa sẽ giao khi có Quyết định phê duyệt phương án nhưng khi có Quyết định phê duyệt phương án số 44 thì số tiền bồi thường của bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 bị giảm xuống nên bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 có đơn yêu cầu hủy Quyết định số 05 và các Công văn của Hội đồng bồi thường để bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 được nhận số tiền còn lại theo số tiền tạm tính ban đầu tại biên bản họp dân ngày 28/7/2016.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:*

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L về việc tuyên bố Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Lâm ngư trường K1, tại ấp K1, xã K2, huyện R2 hết hiệu lực.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L về việc hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Lâm ngư trường K1, tại ấp K1, xã K2, huyện R2.

3. Bác yêu cầu của bà Hoàng Thị X, ông Phạm Văn T3, ông Hồng Văn M1 và bà Đào Thị T2 về việc hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Lâm ngư trường K1, tại ấp K1, xã K2, huyện R2 và các Công văn số 11, Công văn số 09, Công văn số 08, Công văn số 06 ngày 14/3/2017 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện R2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/5/2019, ông Phan Hoàng B, là đại diện theo ủy quyền của người



khởi kiện - ông L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà T2, ông T3, ông M1, bà X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Phan Hoàng B là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Phạm Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Văn T3, ông Hồng Văn M1, bà Hoàng Thị X, bà Đào Thị T2, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L: Hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Lâm ngư trường K1 đối với diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2, tỉnh Cà Mau để xây dựng Trung tâm hành chính huyện R2. Với các lý do: Ủy ban không bồi thường 50% số tiền còn lại theo phương án đã triển khai trước đó là thiệt hại quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Ủy ban nhân dân huyện R2 không triển khai và thông báo quyết định thu hồi, bồi thường đến ông L là không đúng. Quyết định thu hồi đất số 05/QĐ-UBND ban hành năm 2006 nhưng đến năm 2017 mới lập và phê duyệt phương án bồi thường là hơn 11 năm không triển khai không bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định của pháp luật. Ủy ban cho rằng phần diện tích đất 24.000m<sup>2</sup> đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Quyết định 284/QĐ-CTUB ngày 30/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là không đúng vì việc ông L bán đất cho các hộ dân đã được Ủy ban nhân dân thị trấn R1 xác nhận năm 2011, và phần đất 24.000m<sup>2</sup> nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện R2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 748119 ngày 25/11/2014.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là ông Huỳnh Thanh D, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện R2, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện R2 là ông Nguyễn Minh K, Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cùng thống nhất trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà

Mau về việc thu hồi đất của Lâm ngư trường K1 để xây dựng Trung tâm hành chính huyện R2 ban hành là có sai sót về mặt trình tự, thủ tục ban hành. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Quyết định 05/QĐ-UBND, các hộ dân đã tự nguyện giao đất để xây dựng làm trụ sở cơ quan hành chính. Do đó, việc hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Lâm ngư trường K1 đối với diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất là không cần thiết. Đối với các quyết định và công văn về bồi thường của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Ủy ban thu hồi tới 9 năm sau mới bồi thường và giờ yêu cầu hoàn trả là không hợp lý, cần tính toán lại sao cho phù hợp với yêu cầu này là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Văn T3, ông Hồng Văn M1, bà Hoàng Thị X, bà Đào Thị T2, hủy các Công văn số 11, Công văn số 09, Công văn số 08, Công văn số 06 ngày 14/3/2017 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện R2; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của ông Phạm Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện R2, tỉnh Cà Mau đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Theo Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Lâm ngư trường K1 đối với diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2 để xây dựng Trung tâm hành chính huyện R2; đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Do Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện R2 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng có liên quan tới yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu độc lập đối với Công văn số 11, Công văn số 09, Công văn số 08, Công văn số 06 ngày 14/3/2017 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện R2 nên Tòa án sẽ xem xét, đánh giá tính hợp pháp của cả Quyết định số 44/QĐ-UBND, các Công văn số 11, Công văn số 09, Công văn số 08, Công văn số 06 ngày 14/3/2017 nêu trên trong vụ án này theo quy định Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thừa nhận không triển khai Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 cho ông Phạm Văn L là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Ngày 17/10/2017, ông L mới được biết quyết định này nên ngày 25/7/2018, ông L có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND nêu trên là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2 bị thu hồi:

Nguồn gốc diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2 bị thu hồi bởi Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau đang tranh chấp là một phần trong tổng số khoảng 30.845,6m<sup>2</sup> đất do ông Phạm Văn L tự khai phá từ trước năm 1975.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cho rằng diện tích đất nêu trên thuộc phạm vi do Lâm ngư trường K1 (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ K1) quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, Lâm ngư trường K1 không có hợp đồng giao khoán đất nào với ông L đối với phần đất nêu trên.

Ủy ban nhân dân huyện R2 cho rằng diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2 bị thu hồi bởi Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau nêu trên do ông Phạm Văn L tự ý bao chiếm sử dụng. Tuy nhiên, từ khi ông L khai hoang, quản lý, sử dụng phần đất này từ trước năm 1975 tới nay, Ủy ban nhân dân huyện R2 không có bất cứ quyết định xử phạt vi phạm hành chính nào đối với ông L.

Thực tế, ngoài diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2 bị thu hồi bởi Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau nêu trên thì phần đất ông L khai hoang còn lại có diện tích 24.351,6m<sup>2</sup> tại tờ bản đồ số 395, tờ bản đồ số 07, ông L đã được UBND huyện R2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 748119 ngày 25/11/2014.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở xác định nguồn gốc diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2 bị thu hồi bởi Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau đang tranh chấp thuộc khu vực do Lâm ngư trường K1 quản lý nhưng do ông Phạm Văn L tự khai phá từ trước năm 1975.

[2.2] Xét tính hợp pháp của một phần Quyết định thu hồi đất số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau đối với diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2:

- *Về thẩm quyền ban hành quyết định:*

Ngày 24/01/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định thu hồi đất số 05/QĐ-UBND thu hồi 804.193,30m<sup>2</sup> đất đối với Lâm ngư trường K1 tại ấp K1, xã K2, huyện R2 để quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính huyện R2, trong đó có diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 của ông L nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 44 Luật đất đai năm 2003, Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Tuy nhiên, cũng theo khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003, Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ nêu trên cũng quy định: “*Căn cứ vào quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng hộ gia đình, cá nhân*”. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện R2 không ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất do ông Phạm Văn L đang quản lý, sử dụng là không đúng thẩm quyền.

- *Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:*

Căn cứ Điều 39 Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng như sau: Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt, UBND giao cho cơ quan Tài nguyên môi trường trực thuộc chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất làm trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất thu hồi và trích sao hồ sơ địa chính; Lập, thẩm định và xét duyệt phương án tổng thể bồi thường,

giải phóng mặt bằng; Thông báo về việc thu hồi đất; UBND cấp huyện nơi có đất bị thu hồi thông báo thu hồi đất: Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp: thông báo trước ít nhất 90 ngày.

Căn cứ quy định nêu trên thì Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định thu hồi đất số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 đối với diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất do ông Phạm Văn L đang quản lý, sử dụng nhưng không tiến hành trích đo khu đất, thẩm định, triển khai quyết định thu hồi đất đối với người đang trực tiếp sử dụng đất và không thông báo thu hồi đất đối với ông Phạm Văn L là không đúng trình tự, thủ tục ban hành quyết định.

- *Về nội dung quyết định:*

Như đã phân tích ở trên thì nguồn gốc diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2 bị thu hồi bởi Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau nêu trên thuộc khu vực do Lâm ngư trường K1 quản lý nhưng do ông Phạm Văn L tự khai phá và trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước năm 1975.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cho rằng toàn bộ diện tích ông L đang sử dụng do Lâm ngư trường K1 quản lý nên UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 thu hồi đất đối với Lâm ngư trường K1. Tuy nhiên, ông L là người đang trực tiếp sử dụng diện tích đất này, Lâm ngư trường K1 không có hợp đồng giao khoán đất nào với ông L đối với phần đất nêu trên. Hơn nữa, từ khi ông L khai hoang, quản lý, sử dụng phần đất này từ trước năm 1975 tới nay, Ủy ban nhân dân huyện R2 không có bất cứ quyết định xử phạt vi phạm hành chính nào đối với ông L.

Nếu Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cho rằng toàn bộ diện tích ông L đang sử dụng đã được giao cho Lâm ngư trường K1 quản lý thì căn cứ khoản 9 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định người bị Nhà nước thu hồi đất, có một trong các điều kiện sau đây thì được bồi thường: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà trước đây Nhà nước đã có quyết định quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, nhưng trong thực tế Nhà nước chưa quản lý, mà hộ gia đình, cá nhân đó vẫn sử dụng”*.

Mặt khác, đối với phần đất khai hoang còn lại có diện tích 24.351,6m<sup>2</sup> tại tờ bản đồ số 395, tờ bản đồ số 07, ông L (đã được UBND huyện R2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 748119 ngày 25/11/2014) cũng được UBND thị trấn R1 xác định tình trạng pháp lý là sử dụng không có tranh chấp. Do đó, diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2 bị thu hồi bởi Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau đủ điều kiện để được bồi thường khi thu hồi

đất theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Như vậy, năm 2006, khi thu hồi để quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính huyện R2 thì Ủy ban nhân dân huyện R2 phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với cá nhân ông Phạm Văn L chứ không phải đối với Lâm ngư trường K1.

[2.3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện R2 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

- *Về thẩm quyền ban hành quyết định:*

Ngày 23/01/2017, UBND huyện R2 ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trụ sở Huyện ủy R2 là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

- *Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:*

Ngày 24/01/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định thu hồi đất số 05/QĐ-UBND thu hồi 804.193,30m<sup>2</sup> đất đối với Lâm ngư trường K1 tại ấp K1, xã K2, huyện R2 để quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính huyện R2, trong đó có diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 do ông Phạm Văn L khai phá, sử dụng.

Đến ngày 23/01/2017, UBND huyện R2 mới ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trụ sở Huyện ủy R2 đối với diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 nêu trên là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

- *Về nội dung quyết định:*

Ngày 09/2/2011, ông Phạm Văn L chuyển nhượng lại cho bà Hoàng Thị X diện tích là 5.472m<sup>2</sup> đất gồm các thửa số 03, 29, 30. Năm 2013, ông L tiếp tục chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T3 diện tích đất 1.002m<sup>2</sup> tại thửa số 06. Phần đất bà X nhận chuyển nhượng của ông L, bà X chuyển nhượng cho bà Đào Thị T2 diện tích đất là 1.959,8m<sup>2</sup> và chuyển nhượng cho ông Hồng Văn M1 diện tích 1.308,7m<sup>2</sup>. Phần đất còn lại do bà X tiếp tục quản lý. Việc chuyển nhượng đất các bên có làm giấy tay có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn R1, huyện R2. Do diện tích đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thể làm hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng theo quy định là phù hợp. Như vậy, do ông L không biết và không được triển khai

Quyết định thu hồi đất số 05/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau ngày 24/01/2006 nêu trên nên ông đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích 6.474m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 cho các hộ dân khác.

Ủy ban nhân dân huyện R2 cho rằng: Đối với các hộ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay sau ngày 01/01/2008 thì không được thừa nhận. Phần đất của bà X, ông T3, bà T2 và ông M1 nhận chuyển nhượng sau ngày 01/01/2008 chỉ làm giấy tay, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì áp dụng theo mức giá hỗ trợ, bồi thường theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 là chỉ hỗ trợ chứ không được bồi thường về đất. Tuy nhiên, mặc dù không thừa nhận việc chuyển nhượng đất của các hộ dân nhưng Ủy ban nhân dân huyện R2 lại ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và chi trả tiền hỗ trợ đối với từng hộ đã nhận chuyển nhượng đất của ông L là có sự mâu thuẫn.

Mặt khác, căn cứ quy định tại Điều 77 Luật đất đai năm 2013: *“Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”*.

Như vậy, mặc dù, đất của các hộ dân bị thu hồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các phần đất này có nguồn gốc do ông Phạm Văn L khai phá từ năm 1975 nên cần phải được xem xét bồi thường theo quy định.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện R2 không có quyết định thu hồi đất đối với ông L cũng như các hộ dân nhận chuyển nhượng, không có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng nhưng ngày 28/7/2016, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện R2 lại tổ chức họp dân vận động giao đất để xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy huyện R2 và tạm tính số tiền bồi thường cho từng người và giao bằng chiết tính, trong đó bà X được bồi thường 191.055.000 đồng, ông M1 được bồi thường 91.337.250 đồng, bà T2 được bồi thường 261.200.260 đồng, ông T3 được bồi thường 75.597.500 đồng và mỗi người đều thống nhất với số tiền tạm tính nên đã nhận tạm ứng 50% số tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng, số tiền còn lại các hộ dân sẽ được trả sau khi phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng được phê duyệt là không phù hợp với các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thu hồi đất.

[2.4] Xét tính hợp pháp của Công văn số 11, Công văn số 09, Công văn số 08, Công văn số 06 ngày 14/3/2017 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện R2:

Căn cứ biên bản cuộc họp triển khai thi công và chi tạm ứng một phần chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng ngày 28/7/2016 và phương án tạm tính ban đầu so với phương án chính thức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì có sự thay đổi về số tiền, cụ thể đối với bà Đào Thị T2, số tiền tạm tính ban đầu là 258.200.260 đồng, đã tạm ứng 130.000.000 đồng, số tiền theo phương án chính thức được phê duyệt là 194.735.890 đồng. Đối trừ số tiền theo phương án chính thức và số tiền tạm ứng, bà T2 còn được nhận 64.735.890 đồng; Ông Hồng Văn M1, số tiền tạm tính ban đầu là 88.337.250 đồng, đã tạm ứng 45.000.000 đồng, số tiền theo phương án chính thức được phê duyệt là 40.046.220 đồng. Như vậy ông M1 đã tạm ứng vượt số tiền là 4.953.780 đồng; Bà Hoàng Thị X, số tiền tạm tính ban đầu là 188.055.000 đồng, đã tạm ứng 95.000.000 đồng, số tiền theo phương án chính thức được phê duyệt là 109.136.100 đồng. Đối trừ số tiền theo phương án chính thức và số tiền tạm ứng bà X còn nhận thêm số tiền 14.136.100 đồng; Ông Hoàng Văn Tú, số tiền tạm tính ban đầu là 72.597.500 đồng, đã tạm ứng 40.000.000 đồng, số tiền theo phương án chính thức được phê duyệt là 34.867.250 đồng, như vậy ông T3 đã tạm ứng vượt số tiền là 5.132.750 đồng.

Xét thấy, các khoản tiền mà Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện R2 chi trả cho các hộ dân trên cơ sở Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện R2 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Theo phân tích ở trên, Quyết định số 44/QĐ-UBND được ban hành có nội dung trái với quy định của Luật đất đai về trình tự, thủ tục thu hồi đất. Do đó, các Công văn số 11, Công văn số 09, Công văn số 08, Công văn số 06 ngày 14/3/2017 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện R2 cũng không phù hợp với các quy định pháp luật.

[3] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Hoàng B là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (ông Phạm Văn L) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Phạm Văn T3, ông Hồng Văn M1, bà Hoàng Thị X, bà Đào Thị T2); Sửa bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện, ông Phạm Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Văn T3, ông Hồng Văn M1, bà Hoàng Thị X, bà Đào Thị T2 không phải chịu; người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.



[4.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện, ông Phạm Văn L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Văn T3, ông Hồng Văn M1, bà Hoàng Thị X, bà Đào Thị T2 không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hoàng B là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Văn T3, ông Hồng Văn M1, bà Hoàng Thị X, bà Đào Thị T2; Sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L; Hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Lâm ngư trường K1 đối với diện tích 6.474 m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa số 03, 29, 30, 06 tọa lạc tại khóm 8 thị trấn R1, huyện R2, tỉnh Cà Mau.

2. Hủy Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện R2, tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trụ sở Huyện ủy huyện R2, tỉnh Cà Mau, liên quan đến phần bồi thường, hỗ trợ đối với ông Phạm Văn T3, ông Hồng Văn M1, bà Hoàng Thị X và bà Đào Thị T2.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị X, ông Phạm Văn T3, ông Hồng Văn M1 và bà Đào Thị T2 về việc hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Lâm ngư trường K1, tại ấp K1, xã K2, huyện R2 và các Công văn số 11/HĐBT, Công văn số 09/HĐBT, Công văn số 08/HĐBT, Công văn số 06/HĐBT cùng ngày 14/3/2017 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện R2.

4. Về án phí:

4.1 Án phí hành chính sơ thẩm:

- Người khởi kiện là ông Phạm Văn L, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hồng Văn M1, bà Hoàng Thị X, ông Phạm Văn T3, bà Đào Thị T2 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn lại cho ông L, ông M1, bà X, ông T3, bà T2, mỗi người đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo các biên lai số 00132 ngày 23/8/2018, số 00189, số 00190, số 00191, số 00188 cùng ngày 05/12/2018 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện là ông Phạm Văn L, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hồng Văn M1, bà Hoàng Thị X, ông Phạm Văn T3, bà Đào Thị T2 không phải chịu; Hoàn lại cho ông L, ông M1, bà X, ông T3, bà T2, mỗi người đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo các biên lai số 00302, số 00305, số 00304, số 00303, số 00306 cùng ngày 14/5/2019 (đều do ông Phan Hoàng B nộp thay) tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Tấn**

**Trần Thị Thúy Hồng**

**Trần Thị Hòa Hiệp**